

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-PT
Ngày 16-11-2018
V/v Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các thẩm phán:

Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc: “*Hôn nhân gia đình*”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Triệu Kiềm C - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt

- Bị đơn: Lý Mùi P – Sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm S, xã M, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có văn bản số 147/NHCS-CV ngày 14/11/2018 xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Triệu Văn L - Sinh năm 1974

3. Bà Triệu Mùi M - Sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Ông L, bà M có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Triệu Tạ Phâu - Cán bộ Đài phát thanh truyền hình tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lý Mùi P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2018 và quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn Triệu Kiềm C trình bày: Anh kết hôn với chị Lý Mùi P từ năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Năm 2015 anh chị cùng đến UBND xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng để đăng ký kết hôn. Sau khi vợ chồng về sống chung thì tình cảm hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, chị P hay ghen tuông, dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn chị P thường hay bỏ về nhà bố mẹ đẻ, nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng không đạt kết quả. Cho đến tháng 4/2018 vợ chồng đã chính thức ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin được ly hôn.

Bị đơn Lý Mùi P trình bày về quá trình chung sống của vợ chồng: Xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như anh C trình bày là đúng. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh C không biết giúp đỡ vợ con gánh vác

công việc gia đình và chăm sóc con cái, chị P nhắc nhở nhiều lần nhưng không đạt kết quả, hơn nữa anh C còn có hành động bạo hành đối với chị, do không chịu đựng được nên chị P đã bỏ về bên ngoại từ tháng 4/2018 cho đến nay. Việc anh C yêu cầu xin ly hôn chị cũng hoàn toàn nhất trí.

Về phần con chung: Hai bên đương sự xác nhận có 2 con chung tên là Triệu Thị T - Sinh 15/10/2013 và Triệu Thành Đ - Sinh 04/11/2015. Sau khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi cả hai con chung; còn chị P yêu cầu được nuôi mỗi người một con và yêu cầu anh C phải đóng góp phí tổn nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về phần tài sản chung: Hai bên đương sự xác nhận có 01 ngôi nhà gỗ 4 gian rộng khoảng 8m, dài 9m được làm từ năm 2016, tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng, trị giá ngôi nhà khoảng 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), nhà dựng trên đất cộng đồng thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Ngôi nhà có sự đóng góp công sức của bố mẹ anh C là ông Triệu Văn L và bà Triệu Mùi M.

Ý kiến anh C yêu cầu chia ngôi nhà ra làm 4 phần, anh và bố mẹ được hưởng 3 phần còn chị P được hưởng 1 phần.

Ý kiến chị P yêu cầu được hưởng 1/2 giá trị ngôi nhà.

Về phần nợ chung: Anh C và chị P cùng xác nhận hai vợ chồng còn có 01 khoản nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Thời hạn cho vay là 5 năm cho đến ngày 30/6/2012 là thời hạn trả cuối cùng.

Ý kiến anh C: Nếu chị P không yêu cầu chia giá trị ngôi nhà thì anh sẽ tự trả số tiền trên, còn nếu không thì buộc chị P phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến chị P: Không nhất trí trả nợ cho ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng vì số tiền vay về là để anh C đầu tư chăn nuôi và làm nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện ngân hàng chính sách huyện B yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Triệu Văn L và bà Triệu Mùi M trình bày: Quá trình anh C và chị P ra làm nhà ở riêng, ông bà đã có công sức đóng góp để tạo dựng nên ngôi nhà cụ thể

như xẻ gỗ, ván làm cột, kèo, mua tấm lợp, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, tiền san gạt nền nhà...Khi anh C chị P ly hôn ông bà yêu cầu được chia giá trị ngôi nhà làm 4 phần (phần đất làm nhà là dựng trên đất cộng đồng thôn N nên không tính giá trị đất). Cụ thể ông bà 2 phần, anh C và chị P 2 phần.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Cao Bằng đã căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51,53, 54,55,58,59,60,81,82 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 11,12,14,15 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Kiềm C và chị Lý Mùi P.

2. Về con chung: Giao cho anh Triệu Kiềm C được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Triệu Thị T - sinh ngày 15/10/2013 và cháu Triệu Thành Đ - Sinh ngày 04/11/2015 cho đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành. Chị Lý Mùi P không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Giao cho Anh Triệu Kiềm C được sở hữu ngôi nhà dựng trên đất cộng đồng thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Anh C có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Lý Mùi P 15.000.000đ; Thanh toán cho bà Triệu Mùi M 15.000.000đ; thanh toán cho ông Triệu Văn L 15.000.000đ. Chị P được sử dụng chiếc máy cày.

4. Về các khoản nợ chung: Buộc anh Triệu Kiềm C và chị Lý Mùi P cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung với ngân hàng chính sách huyện B, cụ thể

mỗi người phải thanh toán là 20.000.000đ và số tiền lãi phát sinh tương ứng với thời điểm trả nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 04/10/2018 chị Lý Mùi P có đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi 01 con chung, cụ thể là cháu Triệu Thị T - Sinh ngày 15/10/2013 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề góp phí tổn nuôi con chung và không nhất trí trả số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) cùng lãi phát sinh tương ứng với thời điểm trả nợ cho ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Lý Mùi P vẫn yêu cầu được nuôi cháu Triệu Thị T - Sinh ngày 15/10/2013 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh C góp phí tổn nuôi con chung. Đối với số tiền chênh lệch tài sản là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) anh C phải có trách nhiệm thanh toán cho chị P theo như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên, nay chị P tự nguyện không nhận khoản tiền chênh lệch tài sản nữa. Nhưng yêu cầu anh C phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng chính sách xã hội huyện B với số tiền đã vay theo hợp đồng vay ngày 30/6/2016 là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) cùng lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Triệu Kiềm C trình bày: Không nhất trí với kháng cáo của chị Lý Mùi P về việc chị P yêu cầu được nuôi con chung tên là Triệu Thị T. Nhất trí với ý kiến của chị P về việc chị P không nhận số tiền chênh lệch tài sản là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) và anh C cũng nhất trí tự nguyện có trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay theo hợp đồng vay ngày 30/6/2016 cho Ngân hàng chính sách xã hội B là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Đối với kháng cáo của chị P yêu cầu được nuôi cháu Triệu Thị T sinh ngày 15/10/2013. Thấy rằng việc anh C yêu cầu được nuôi cả hai con chung, tuy nhiên hiện nay bản thân anh C cũng chỉ làm nông nghiệp để duy trì cuộc sống của gia đình, hiện hai con cũng còn nhỏ nếu để một mình anh C tự chăm sóc sẽ không đảm bảo về mọi mặt cho hai con. Yêu cầu của chị P được trực tiếp nuôi cháu T cũng hoàn toàn phù hợp, bởi lẽ cháu T là con gái nếu ở với mẹ sẽ thuận lợi hơn trong việc chăm sóc, dạy bảo cho con. Do vậy, việc để anh C và chị P nuôi mỗi người một con là đảm bảo về mọi mặt tốt nhất cho các con. Cần chấp nhận kháng cáo của chị P về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Triệu Thị T.

Tại phiên tòa anh C và chị P cùng nhất trí thỏa thuận: Chị P tự nguyện không nhận số tiền chênh lệch tài sản là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) do anh C phải có trách nhiệm thanh toán cho chị P theo như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Anh C tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng chính sách xã hội huyện B với số tiền vay theo hợp đồng ngày 30/6/2016 là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) cùng lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán. Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Lý Mùi P. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa về khoản tiền vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, qua nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 14/11/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội huyện B có văn bản xin xét xử vắng mặt. Việc xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với

khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do vậy, cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị Lý Mùi P và các căn cứ kháng cáo:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu Triệu Thị T sinh ngày 15/10/2013: Quá trình chung sống vợ chồng anh C và chị P có sinh được 2 người con chung là Triệu Thị T sinh ngày 15/10/2013 và Triệu Thành Đ sinh ngày 4/11/2015. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm chị P yêu cầu được nuôi cháu Triệu Thị T, sinh ngày 15/10/2013 không yêu cầu anh C phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung. Anh C không nhất trí với việc kháng cáo của chị P về việc yêu cầu nuôi cháu T, anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị P đóng góp phí tổn nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh C yêu cầu được nuôi cả hai con chung, tuy nhiên hiện nay bản thân anh C cũng chỉ làm nông nghiệp để duy trì cuộc sống của gia đình, hiện hai con cũng còn nhỏ nếu để một mình anh C vừa chăm sóc hai con vừa đi làm kiếm thu nhập để duy trì cuộc sống của 3 bố con sẽ rất khó khăn, hơn nữa việc chăm sóc, dạy bảo, cũng như đưa đón con đi học cũng sẽ ảnh hưởng nhiều. Còn đối với chị P bản thân là người phụ nữ sau khi ly hôn có về nhà ngoại sinh sống cùng bố mẹ đẻ, cũng đi làm và có thu nhập ổn định từ việc thu hoạch trúc sào mỗi ngày được 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), hơn nữa việc giao con gái là Triệu Thị T cho chị P nuôi dưỡng, sẽ phù hợp đối với việc dạy bảo cũng như chăm sóc con hơn so với việc chung sống cùng bố. Do vậy Hội đồng xét xử cần thiết giao cháu Triệu Thị T, sinh ngày 15/10/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa cả hai bên đương sự đều không yêu cầu, do vậy hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo không nhất trí trả khoản vay ngân hàng chính sách xã hội huyện B tỉnh Cao Bằng: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận: Chị P sẽ từ chối không nhận khoản tiền chênh lệch tài sản

là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) do anh C phải có trách nhiệm thanh toán cho chị P theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Anh C tự nguyện trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng chính sách xã hội huyện B với số tiền đã vay theo hợp đồng vay ngày 30/6/2016 là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) cùng lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán.

Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Lý Mùi P. Cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Cao Bằng. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí : Do yêu cầu kháng cáo của chị P được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 300 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Lý Mùi P. Sửa bản án sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Cao Bằng.

Xử: Giao cháu Triệu Thị T - sinh ngày 15/10/2013 cho chị Lý Mùi P được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Không đặt ra vấn đề góp phí tồn nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh C và chị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự như sau:

Chị P tự nguyện không nhận khoản tiền chênh lệch tài sản là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) do anh C phải có trách nhiệm thanh toán cho chị P theo quyết định của bản án sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Cao Bằng đã tuyên.

Anh C tự nguyện trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Cao Bằng với số tiền đã vay theo hợp đồng vay ngày 30/6/2016 là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) cùng lãi phát sinh tại thời điểm thanh toán.

Các quyết định khác của án sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Cao Bằng, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Lý Mùi P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xử hoàn trả cho chị Lý Mùi P 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm chị đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001212 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như